

Số: 26/CBTT-SDG.2024

Cần Thơ, ngày 30 tháng 10 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất Quý 3 năm 2024 như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN SADICO CẦN THƠ

- Mã chứng khoán: SDG
- Địa chỉ: 366E CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ.
- Điện thoại liên hệ: 0292 3884919 - E-mail: sdccantho@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2024

☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☒ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/10/2024 tại đường dẫn website: www.sadico.com.vn.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023: không
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2024.

Văn bản giải trình.

Bảng dữ liệu Kết quả kinh doanh so sánh với cùng kỳ.

Nơi nhận :

- Như trên;
- P.TCHC, P.KT;
- Website Công ty.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT


Mai Công Toàn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 30 tháng 10 năm 2024

Cần Thơ, ngày 30 tháng 10 năm 2024

**Kính gửi: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước;
Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP SADICO Cần Thơ thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Hợp nhất Quý 3 năm 2024 như sau:

Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2024 của Công ty Cổ phần Sadico Cần Thơ.

- Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 3 năm 2024, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi **trên 10%** so với báo cáo cùng kỳ năm trước (Chi tiết tại bảng 1).

* Giải trình nguyên nhân: trước tình hình khó khăn chung của nền kinh tế toàn cầu, sức mua tiếp tục giảm dẫn đến doanh thu của Tập đoàn giảm 7% so với cùng kỳ. Tập đoàn đã thực hiện tiết giảm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường chính sách trước trong và sau bán hàng. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế tại kỳ báo cáo vẫn giảm 46% so với cùng kỳ năm 2023.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

- Như trên;
- P.TCHC, P.KT;
- Website Công ty.



1. BẢNG DỮ LIỆU KẾT QUẢ KINH DOANH SO SÁNH VỚI CÙNG KỲ

ĐVT : đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		SO SÁNH	Tỷ lệ kỳ này/ kỳ trước
			Năm nay	Năm trước	Giá trị	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	298.330.539.395	320.802.866.114	(22.472.326.719)	-7%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	3.638.660.192	3.708.871.250	(70.211.058)	-2%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		294.691.879.203	317.093.994.864	(22.402.115.661)	-7%
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	267.940.764.018	281.232.675.155	(13.291.911.137)	-5%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.751.115.185	35.861.319.709	(9.110.204.524)	-25%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.087.485.850	1.758.993.468	1.328.492.382	76%
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	4.754.906.305	6.121.870.577	(1.366.964.272)	-22%
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		4.753.516.614	6.121.870.577	(1.368.353.963)	-22%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	6.160.199.493	8.947.881.213	(2.787.681.720)	-31%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	10.251.166.641	8.273.328.877	1.977.837.764	24%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.672.328.596	14.277.232.510		
12. Thu nhập khác	31	VI.8	7.355	1.949.463.987		
13. Chi phí khác	32	VI.9	157.605.165	7.189.712		
14. Lợi nhuận khác	40		(157.597.810)	1.942.274.275		
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.514.730.786	16.219.506.785		
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		131.382.458	690.456.450		
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	(105.140.854)	(131.008.370)		
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.488.489.182	15.660.058.705	(7.171.569.523)	-46%
18.1 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.457.487.499	7.950.696.256		
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		7.031.001.683	7.709.362.449		

